

Số: 914 /QĐ-UBND

Hải Phòng, ngày 10 tháng 4 năm 2023

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc công bố thủ tục hành chính mới ban hành; thủ tục hành chính
sửa đổi, bổ sung thuộc lĩnh vực Công Thương trên địa bàn
thành phố Hải Phòng**

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ các Nghị định về kiểm soát thủ tục hành chính: số 63/2010/NĐ - CP ngày 08/6/2010 về kiểm soát thủ tục hành chính; số 48/2013/NĐ - CP ngày 14/5/2013, số 92/2017/NĐ - CP ngày 07/8/2017 sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính; số 61/2018/NĐ - CP ngày 23/4/2018 về thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính; số 107/2021/NĐ - CP ngày 08/12/2021 về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 61/2018/NĐ - CP ngày 23/4/2018 của Chính phủ về thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính;

Căn cứ các Thông tư của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Văn phòng Chính phủ: số 02/2017/TT - VPCP ngày 31/07/2017 hướng dẫn nghiệp vụ về kiểm soát thủ tục hành chính; số 01/2018/TT - VPCP ngày 05/12/2018 hướng dẫn thi hành một số quy định của Nghị định 61/2018/NĐ - CP;

Căn cứ các Quyết định của Bộ trưởng Bộ Công Thương: số 2544/QĐ-BCT ngày 28/11/2022 về việc công bố thủ tục hành chính mới ban hành, thủ tục hành chính sửa đổi, bổ sung trong lĩnh vực hóa chất thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Công Thương; số 608/QĐ-BCT ngày 09/3/2023 về việc công bố thủ tục hành chính sửa đổi, bổ sung trong lĩnh vực quản lý cạnh tranh, dịch vụ thương mại thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Công Thương;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Công Thương tại Tờ trình số 954/TTr- SCT ngày 29/3/2023.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố kèm theo Quyết định này Danh mục thủ tục hành chính mới ban hành; thủ tục hành chính sửa đổi, bổ sung thuộc lĩnh vực Công Thương trên địa bàn thành phố Hải Phòng.

Điều 2. Giao Giám đốc Sở Công Thương tổ chức thực hiện việc công khai danh mục và nội dung thủ tục hành chính thuộc lĩnh vực Công Thương được quy định tại Quyết định này; xây dựng quy trình nội bộ, quy trình điện tử giải quyết thủ tục hành chính và cập nhật trên hệ thống Một cửa điện tử và dịch vụ công trực tuyến thành phố theo quy định.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Điều 4. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân thành phố, Giám đốc Công Thương, Thủ trưởng các Sở, ban, ngành, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các quận, huyện, phường, xã, thị trấn trên địa bàn thành phố và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. /_{g/v}

Nơi nhận:

- Như Điều 4;
- VPCP (Cục KSTTHC);
- Bộ Công Thương;
- TTTU, TT HỒNDTP;
- CT, các PCT UBND TP;
- CVP, các PCVP UBND TP;
- Đài PTTH HP, Báo HP;
- Công TTĐTTP, Chuyên trang ANHP;
- Các Phòng: KSTTHC, XDGTCT, NC&KTGS;
- CV: KSTTHC2;
- Lưu: VT.

CHỦ TỊCH



Nguyễn Văn Tùng

DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH THÊM MỚI; THỦ TỤC HÀNH CHÍNH SỬA ĐỔI, BỔ SUNG LĨNH VỰC CÔNG THƯƠNG TRÊN ĐỊA BÀN THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

(Ban hành kèm theo Quyết định số 914/QĐ - UBND ngày 10/4/2023 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố)

I. THỦ TỤC HÀNH CHÍNH THÊM MỚI

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết (ngày làm việc)	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (Nếu có)	Cách thức thực hiện ngoài nộp hồ sơ, nhận kết quả trực tiếp		Căn cứ pháp lý
					DVC TT mức độ	Dịch vụ BC CI	
Thủ tục thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Công Thương							
I Lĩnh vực hoá chất							
1	Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất và kinh doanh hóa chất sản xuất, kinh doanh có điều kiện trong lĩnh vực công nghiệp	- 11 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ đối với trường hợp cơ sở sản xuất, kinh doanh hoá chất của tổ chức, cá nhân được đặt tại địa phương đặt trụ sở chính. - 15 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ đối với trường hợp cơ sở sản xuất, kinh doanh hoá chất của tổ chức, cá nhân được đặt tại địa phương khác với địa phương đặt trụ sở chính.	Sở Công Thương	1.200.000 đồng	Toàn trình		-Luật Hóa chất số 06/2007/QH12 ngày 21/11/2007. -Nghị định số 113/2017/NĐ-CP ngày 9/10/2017 của Chính phủ. -Nghị định số 17/2020/NĐ-CP ngày 05/02/2020 của Chính phủ. -Nghị định số 82/2022/NĐ-CP ngày 18/10/2022 của Chính phủ. -Thông tư số 08/2018/TT-BTC của Bộ Tài chính. -Quyết định số 2544/QĐ-BCT ngày 28/11/2022 của Bộ Công Thương.
2	Cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất và	4,5 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	Sở Công Thương	600.000 đồng	Toàn trình		-Luật Hóa chất số 06/2007/QH12 ngày 21/11/2007.

	kinh doanh hóa chất sản xuất, kinh doanh có điều kiện trong lĩnh vực công nghiệp					<p>- Nghị định số 113/2017/NĐ-CP ngày 9/10/2017 của Chính phủ.</p> <p>- Nghị định số 17/2020/NĐ-CP ngày 05/02/2020 của Chính phủ.</p> <p>- Nghị định số 82/2022/NĐ-CP ngày 18/10/2022 của Chính phủ.</p> <p>- Thông tư số 08/2018/TT-BTC của Bộ Tài chính.</p> <p>- Quyết định số 2544/QĐ-BCT ngày 28/11/2022 của Bộ Công Thương.</p>
3	Cấp điều chỉnh Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất và kinh doanh hóa chất sản xuất, kinh doanh có điều kiện trong lĩnh vực công nghiệp	<p>- 11 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ đối với trường hợp cơ sở sản xuất, kinh doanh hoá chất của tổ chức, cá nhân được đặt tại địa phương đặt trụ sở chính.</p> <p>- 15 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ đối với trường hợp cơ sở sản xuất, kinh doanh hoá chất của tổ chức, cá nhân được đặt tại địa phương khác với địa phương đặt trụ sở chính.</p>	Sở Công Thương	600.000 đồng	Toàn trình	<p>- Luật Hóa chất số 06/2007/QH12 ngày 21/11/2007.</p> <p>- Nghị định số 113/2017/NĐ-CP ngày 9/10/2017 của Chính phủ.</p> <p>- Nghị định số 17/2020/NĐ-CP ngày 05/02/2020 của Chính phủ.</p> <p>- Nghị định số 82/2022/NĐ-CP ngày 18/10/2022 của Chính phủ.</p> <p>- Thông tư số 08/2018/TT-BTC ngày 25/01/2018 của Bộ trưởng Tài chính.</p> <p>- Quyết định số 2544/QĐ-BCT ngày 28/11/2022 của Bộ trưởng Bộ Công Thương.</p>

II. THỦ TỤC HÀNH CHÍNH SỬA ĐỔI

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết (ngày làm việc)	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (Nếu có)	Cách thức thực hiện ngoài nộp hồ sơ, nhận kết quả trực tiếp		Căn cứ pháp lý
					DVC trực tuyến	Dịch vụ BCCI	
I Lĩnh vực hoá chất							
1	Cấp giấy Chứng nhận đủ điều kiện sản xuất hóa chất sản xuất, kinh doanh có điều kiện trong lĩnh vực công nghiệp	- 11 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ đối với trường hợp cơ sở sản xuất, kinh doanh hoá chất của tổ chức, cá nhân được đặt tại địa phương đặt trụ sở chính. - 15 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ đối với trường hợp cơ sở sản xuất, kinh doanh hoá chất của tổ chức, cá nhân được đặt tại địa phương khác với địa phương đặt trụ sở chính.	Sở Công Thương	1.200.000 đồng	Toàn trình		- Nghị định số 17/2020/NĐ-CP ngày 05/02/2020 của Chính phủ. - Nghị định số 82/2022/NĐ-CP ngày 18/10/2022 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 113/2017/NĐ-CP ngày 9/10/2017 của Chính phủ. - Quyết định số 2544/QĐ-BCT ngày 28/11/2022 của Bộ trưởng Bộ Công Thương.
2	Cấp lại Giấy Chứng nhận đủ điều kiện sản xuất hóa chất sản xuất, kinh doanh có điều kiện trong lĩnh vực công nghiệp	4,5 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	Sở Công Thương	600.000 đồng	Toàn trình		- Nghị định số 17/2020/NĐ-CP ngày 05/02/2020 của Chính phủ. - Nghị định số 82/2022/NĐ-CP ngày 18/10/2022 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 113/2017/NĐ-CP ngày 9/10/2017 của Chính phủ.

							- Quyết định số 2544/QĐ-BCT ngày 28/11/2022 của Bộ trưởng Bộ Công Thương.
3	Cấp điều chỉnh Giấy Chứng nhận đủ điều kiện sản xuất hóa chất sản xuất, kinh doanh có điều kiện trong lĩnh vực công nghiệp	- 11 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ đối với trường hợp cơ sở sản xuất, kinh doanh hoá chất của tổ chức, cá nhân được đặt tại địa phương đặt trụ sở chính. - 15 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ đối với trường hợp cơ sở sản xuất, kinh doanh hoá chất của tổ chức, cá nhân được đặt tại địa phương khác với địa phương đặt trụ sở chính.	Sở Công Thương	600.000 đồng	Toàn trình		- Nghị định số 17/2020/NĐ-CP ngày 05/02/2020 của Chính phủ. - Nghị định số 82/2022/NĐ-CP ngày 18/10/2022 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 113/2017/NĐ-CP ngày 9/10/2017 của Chính phủ. - Quyết định số 2544/QĐ-BCT ngày 28/11/2022 của Bộ trưởng Bộ Công Thương.
4	Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hóa chất sản xuất, kinh doanh có điều kiện trong lĩnh vực công nghiệp	- 11 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ đối với trường hợp cơ sở sản xuất, kinh doanh hoá chất của tổ chức, cá nhân được đặt tại địa phương đặt trụ sở chính. - 15 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ đối với trường hợp cơ sở sản xuất, kinh doanh hoá chất của tổ chức, cá nhân được đặt tại địa phương khác với địa phương đặt trụ sở chính.	Sở Công Thương	1.200.000 đồng	Toàn trình		- Nghị định số 17/2020/NĐ-CP ngày 05/02/2020 của Chính phủ. - Nghị định số 82/2022/NĐ-CP ngày 18/10/2022 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 113/2017/NĐ-CP ngày 9/10/2017 của Chính phủ. - Quyết định số 2544/QĐ-BCT ngày 28/11/2022 của Bộ trưởng Bộ Công Thương.

5	Cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hóa chất sản xuất, kinh doanh có điều kiện trong lĩnh vực công nghiệp	4,5 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	Sở Công Thương	600.000 đồng	Toàn trình	- Nghị định số 17/2020/NĐ-CP ngày 05/02/2020 của Chính phủ. - Nghị định số 82/2022/NĐ-CP ngày 18/10/2022 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 113/2017/NĐ-CP ngày 9/10/2017 của Chính phủ. - Quyết định số 2544/QĐ-BCT ngày 28/11/2022 của Bộ trưởng Bộ Công Thương.
6	Cấp điều chỉnh Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hóa chất sản xuất, kinh doanh có điều kiện trong lĩnh vực công nghiệp	- 11 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ đối với trường hợp cơ sở sản xuất, kinh doanh hoá chất của tổ chức, cá nhân được đặt tại địa phương đặt trụ sở chính. - 15 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ đối với trường hợp cơ sở sản xuất, kinh doanh hoá chất của tổ chức, cá nhân được đặt tại địa phương khác với địa phương đặt trụ sở chính.	Sở Công Thương	600.000 đồng	Toàn trình	- Nghị định số 17/2020/NĐ-CP ngày 05/02/2020 của Chính phủ. - Nghị định số 82/2022/NĐ-CP ngày 18/10/2022 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 113/2017/NĐ-CP ngày 9/10/2017 của Chính phủ. - Quyết định số 2544/QĐ-BCT ngày 28/11/2022 của Bộ trưởng Bộ Công Thương
II Lĩnh vực quản lý cạnh tranh						
1	Đăng ký hợp đồng theo mẫu, điều kiện giao dịch chung	20 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	Sở Công Thương	Không	Toàn trình	- Nghị định số 03/2023/NĐ-CP ngày 10/02/2023 của Chính phủ.

							- Quyết định số 608/QĐ-BCT ngày 09/3/2023 Bộ trưởng Bộ Công Thương.
2	Đăng ký hoạt động bán hàng đa cấp tại địa phương	07 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	Sở Công Thương	Không	Toàn trình		- Nghị định số 03/2023/NĐ-CP ngày 10/02/2023 của Chính phủ. - Quyết định số 608/QĐ-BCT ngày 09/3/2023 Bộ trưởng Bộ Công Thương.
3	Đăng ký sửa đổi, bổ sung nội dung hoạt động bán hàng đa cấp tại địa phương	07 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	Sở Công Thương	Không	Toàn trình		- Nghị định số 03/2023/NĐ-CP ngày 10/02/2023 của Chính phủ. - Quyết định số 608/QĐ-BCT ngày 09/3/2023 Bộ trưởng Bộ Công Thương.
4	Thông báo tổ chức hội nghị, hội thảo, đào tạo về bán hàng đa cấp	05 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	Sở Công Thương	Không	Toàn trình		- Nghị định số 03/2023/NĐ-CP ngày 10/02/2023 của Chính phủ. - Quyết định số 608/QĐ-BCT ngày 09/3/2023 Bộ trưởng Bộ Công Thương.
5	Thủ tục chấm dứt hoạt động bán hàng đa cấp tại địa phương	10 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	Sở Công Thương	Không	Toàn trình		- Nghị định số 03/2023/NĐ-CP ngày 10/02/2023 của Chính phủ. - Quyết định số 608/QĐ-BCT ngày 09/3/2023 Bộ trưởng Bộ Công Thương.